

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4601662502

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SAMSUNG VIỆT NAM
SEMICONDUCTOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAMSUNG VIETNAM
SEMICONDUCTOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SVS Co., Ltd

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN-11 và một phần Lô CN-12, Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Vạn Xuân,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0967069735

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.593.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm chín mươi ba tỷ đồng

Tương đương: 100.000.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 202551085K

Ngày cấp: 17/11/2025 Nơi cấp: Cơ quan Quản lý Kế toán và Doanh nghiệp
Singapore

Địa chỉ trụ sở chính: 3 Church Street, #26-01, Samsung Hub, Singapore

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NA KI HONG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/03/1966

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu nước ngoài: M316Y8434

Ngày cấp: 07/08/2024

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Khách sạn Fraser Suites, 51 Xuân Diệu, Phường Tây Hồ, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đào Minh Sơn

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Số:



THÔNG BÁO

Về cơ quan thuế quản lý trực tiếp

Kính gửi: *CÔNG TY TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR*

Địa chỉ: *Lô CN-11 và một phần Lô CN-12, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Mã số: *4601662502*

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ trụ sở: Số 16A đường Nha Trang, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 385 4237

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

dkkd.thainguyen@gmail.com

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH xin thông báo cho doanh nghiệp biết thông tin về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị: THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR. Địa chỉ: Lô CN-11 và một phần Lô CN-12, Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

.....;

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG



Đào Minh Sơn

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6564281888

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT ngày 12/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) quy định mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư nộp ngày 27/02/2026,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Chứng nhận nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư

Tên doanh nghiệp: SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 202551085K, ngày cấp: 17/11/2025, cơ quan cấp: Cơ quan Quản lý Kế toán và Doanh nghiệp Singapore.

Địa chỉ trụ sở: 3 Church Street, #26-01, Samsung Hub, Singapore 049483

Điện thoại: 02-2255-0114

Email: sec.korea@samsung.com

Website: www.samsung.com/sec/

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ tên: PAN YANJUN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1968

Quốc tịch: Singapore

Hộ chiếu số: K3952973P; ngày cấp: 20/03/2023; nơi cấp: Bộ Nội vụ Singapore.

Địa chỉ thường trú: 303 Shunfu Road, #06-63, Shunfu Gardens, Singapore 570303.

Chỗ ở hiện tại: 303 Shunfu Road, #06-63, Shunfu Gardens, Singapore 570303.

2. Thông tin về tổ chức kinh tế dự kiến thành lập

2.1. Tên tổ chức kinh tế dự kiến thành lập: CÔNG TY TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR

2.2. Loại hình tổ chức kinh tế: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

2.3. Vốn điều lệ: 2.593.000.000.000 (hai nghìn năm trăm chín mươi ba tỷ) đồng, tương đương 100.000.000 (một trăm triệu) đô la Mỹ¹.

2.4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	
1	SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.	2.593.000.000.000	100.000.000	100

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án: DỰ ÁN SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-11 và một phần Lô CN-12, Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC
1	Đóng gói, kiểm thử vật liệu và thiết bị bán dẫn	2619	

Công ty TNHH Samsung Việt Nam Semiconductor được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô dự án:3.1. Diện tích đất: Khoảng 265.892,86m².

¹ Tỷ giá 01 USD tương đương 25.930 VNĐ ngày 10/11/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam

3.2. Công suất thiết kế của dự án

- Bộ nhớ bán dẫn DRAM đa năng với tổng dung lượng khoảng 153,3 tỷ Gigabits/năm ổn định/nhà máy tối đa (tương đương khoảng 4,79 tỷ sản phẩm/năm ổn định/nhà máy tối đa).

- Bộ nhớ bán dẫn NAND với tổng dung lượng khoản 255,6 tỷ Gigabytes/ năm ổn định/nhà máy tối đa (tương đương khoảng 250 triệu sản phẩm/năm ổn định/nhà máy tối đa).

(Công suất thiết kế của dự án được tính ra sản phẩm tương đương dựa trên giá định trung bình 1 sản phẩm DRAM có dung lượng bằng 32 gigabits và trung bình 1 sản phẩm NAND có dung lượng bằng 1.024 gigabytes)

3.3. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến của dự án:

* Nhà máy 1:

- Diện tích xây dựng dự kiến: 68.868,98 m².

- Diện tích sàn dự kiến: 142.347,86 m² (trong đó, diện tích cho nhà máy 1 là 99.078,34 m²)

- Số tầng: Tùy thuộc vào từng công trình, số tầng tối đa cho các công trình là 03 tầng.

- Chiều cao công trình: Tùy thuộc vào từng công trình, chiều cao tối đa cho các công trình là 28,80m.

- Mật độ xây dựng dự kiến: 25,90 %.

- Hệ số sử dụng đất dự kiến: 0,54.

* Nhà máy 2:

- Diện tích xây dựng dự kiến: 51.210,92 m².

- Diện tích sàn dự kiến: 110.091,88 m² (trong đó, diện tích cho nhà máy 2 là 99.078,34 m²)

- Số tầng dự kiến: Tùy thuộc vào từng công trình, số tầng tối đa cho các công trình là 02 tầng

- Chiều cao công trình dự kiến: Tùy thuộc vào từng công trình, chiều cao tối đa cho các công trình là 26,85 m

- Mật độ xây dựng dự kiến: 45,16 % (cho nhà máy 1, 2 và cơ sở kèm theo của 02 nhà máy).

- Hệ số sử dụng đất dự kiến: 0,95 (cho nhà máy 1, 2 và cơ sở kèm theo của 02 nhà máy).

3.4. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp của dự án:

Vật liệu và thiết bị bán dẫn (cụ thể: sản phẩm bộ nhớ bán dẫn NAND/DRAM đa năng).

4. Tổng vốn đầu tư của dự án: 105.794.400.000.000 (Một trăm linh năm nghìn bảy trăm chín mươi bốn tỷ bốn trăm triệu) đồng, tương đương 4.080.000.000 (Bốn tỷ không trăm tám mươi triệu) đô la Mỹ², trong đó:

² Áp dụng tỷ giá: 01 USD tương đương 25.930 VNĐ ngày 10/11/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.

- Vốn góp của nhà đầu tư: 2.593.000.000.000 (Hai nghìn năm trăm chín mươi ba tỷ) đồng, tương đương 100.000.000 (Một trăm triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 2,45 % tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

T T	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.	2.593.000.000.000	100.000.000	100	Tiền	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án

- Vốn huy động: 36.561.300.000.000 (Ba mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi một tỷ ba trăm triệu) đồng, tương đương 1.410.000.000 (Một tỷ bốn trăm mười triệu) đô la Mỹ.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư: 66.640.100.000.000 (Sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tỷ một trăm triệu) đồng, tương đương 2.570.000.000 (Hai tỷ năm trăm bảy mươi triệu) đô la Mỹ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: Từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 25 tháng 5 năm 2062.

6. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án.

- Vốn huy động: Trong vòng 15 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

- Tiến độ giải ngân vốn:

Đơn vị: tỷ VND

Năm giải ngân	Tổng vốn giải ngân trong kỳ	Vốn giải ngân lũy kế	Tỷ lệ lũy kế (%)
2026	3.552,4	3.552,4	3,4
2027	9.192,2	12.744,6	12,0
2028	8.673,6	21.418,2	20,2
2029	4.343,3	25.761,5	24,4
2030	9.295,9	35.057,4	33,1
2031 – 2035	32.818,4	67.875,8	64,2
2036 – 2040	37.918,6	105.794,4	100
Tổng	105.794,4	105.794,4	

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Nhà máy 1: Xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2026 đến tháng 5 năm 2028; vận hành một phần từ tháng 11 năm 2027 và vận hành các phần còn lại từ tháng 10 năm 2028.

- Nhà máy 2: Vận hành chính thức từ năm 2031.

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần:

- Đầu tư xây dựng Nhà máy 1: Vận hành một phần từ tháng 11 năm 2027 và vận hành các phần còn lại từ tháng 10 năm 2028.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy 2: Vận hành chính thức từ năm 2031.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Dự án được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

Dự án được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có):

Dự án được hưởng ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Ưu đãi đặc biệt (nếu có):

Dự án được hưởng ưu đãi đặc biệt khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án.

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, các Phụ lục kèm theo văn bản này; đề xuất dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan kèm theo hồ sơ dự án. Đây là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và là cơ sở, tài liệu để phục vụ việc đánh giá, giám sát thanh tra, kiểm tra dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Sở, ngành: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Thuế tỉnh Thái Nguyên; Công an tỉnh.
- UBND Phường Vạn Xuân;
- Lưu: QLĐT.

Q. TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Hoàn



Số: /CV-YBI

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 03 năm 2026

V/v: Xin chấp thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật
“Dự Án Samsung Việt Nam Semiconductor” tại
Khu công nghiệp Yên Bình.

Kính gửi: Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình (Công ty Yên Bình) nhận được Văn bản số 2003/2026/CV-SSVN ngày 20/03/2026 của Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR về việc đề nghị chấp thuận phương án đấu nối tiện ích, hạ tầng của “Dự Án Samsung Việt Nam Semiconductor” tại Khu công nghiệp Yên Bình. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, bản vẽ kèm theo và căn cứ vào quy hoạch, thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Yên Bình đã được phê duyệt.

Công ty Yên Bình thống nhất 1 số nội dung với Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR về các phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thoát nước thải, giao thông... của “Dự Án Samsung Việt Nam Semiconductor” vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Yên Bình như trong hồ sơ bản vẽ cụ thể như sau:

1. Hạng mục đấu nối hạ tầng: Giao thông, thoát nước thải, thoát nước mưa.

2. Đấu nối giao thông:

- **Vị trí đấu nối số 1: Đấu nối cống số 2 trên đường Công nghiệp 3 (CN 3).**

+ Chiều rộng cống số 2 tại ranh đất của nhà máy là 18.52m, chiều rộng tại điểm kết nối với đường Công nghiệp 3 (CN3) là 35.84m.

+ Tọa độ vị trí đấu nối:

Điểm số 3 có tọa độ (x,y): X=2371459.62;Y=436802.21;

Điểm số 4 có tọa độ (x,y): X=2371459.62;Y=436820.73;

+ Tọa độ tìm cống vị trí đấu nối với đường:

(X= 2371459.62; Y= 436811.47)

- Tất cả các đường vượt nối tại cống từ trong Dự án ra ngoài đường của Khu công nghiệp không được cao hơn vỉa hè 2 bên.

- Tất cả các cống của nhà máy đấu nối với đường của Khu công nghiệp Yên Bình đều phải làm hào kỹ thuật theo mẫu do Yên Bình cung cấp để bảo vệ toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật sẵn có của Khu công nghiệp phía dưới phạm vi cống.

- Bản vẽ thiết kế thi công hào kỹ thuật phải được Công ty Yên Bình chấp thuận trước khi thi công.

3. Đấu nối thoát nước mưa:

- **Vị trí đấu nối số 02:** đấu nối tại 3 điểm.
- **Điểm 1:** Đấu nối điểm thoát nước mưa trên đường CN3 của Khu công nghiệp Yên Bình. Vị trí đấu cống D1200 vào hố ga GP13 có cống hiện trạng D1250.
- **Điểm 2:** Đấu nối điểm thoát nước mưa trên đường CN3 của Khu công nghiệp Yên Bình. Vị trí đấu cống D1500 vào hố ga GP21 có cống hiện trạng D1500.
- **Điểm 3:** Đấu nối điểm thoát nước mưa trên đường CN3 của Khu công nghiệp Yên Bình. Vị trí đấu cống D800 vào hố ga GP4 có cống hiện trạng D800.

- Tất cả các vị trí đấu nối cống thoát nước mưa từ Dự án ra đường thoát nước mưa của Khu công nghiệp đều phải đấu nối theo hướng dẫn của Yên Bình để không làm ảnh hưởng hoặc phải phá dỡ các hạ tầng khác chạy song song bên cạnh. Bản vẽ thiết kế thi công đấu nối phải được Công ty Yên Bình chấp thuận trước khi thi công.

4. Đấu nối thoát nước thải:

- **Vị trí đấu nối số 03:** Đấu nối 01 điểm thoát nước thải sinh hoạt bằng ống HDPE D500 từ bể xử lý nước thải vào hố ga NT12 mới trên đường CN3 của Khu công nghiệp Yên Bình. Vị trí hố ga NT12.

- Đề nghị đậy cống thoát nước thải đấu nối từ nhà máy ra cống của KCN cách đỉnh hố ga nước thải tối đa 80cm. Sẽ xây hố ga thăm để làm van khóa và lấy mẫu nước thí nghiệm định kỳ.

- Trước khi đấu nối công thoát nước thải từ Dự án ra hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp thì Công ty phải đảm bảo tiêu chuẩn nước thải theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường và thông báo với Yên Bình bằng văn bản. Yên Bình sẽ cử cán bộ phối hợp, hướng dẫn trong suốt quá trình đấu nối cũng như vận hành.

- Công ty Yên Bình đề nghị Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR triển khai thiết kế kỹ thuật và thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật đấu nối này theo đúng hồ sơ bản vẽ đã được các Bên thống nhất. Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR chỉ được xây dựng các công trình trong ranh khu đất đã thuê, không được tự ý thi công bất kỳ 1 hạng



mục nào ngoài ranh giới của nhà máy khi chưa có sự chấp thuận của Công ty Yên Bình. Riêng bản vẽ chi tiết đầu nổi thoát nước thải sẽ căn cứ theo thực tế thiết kế khi tiến hành đầu nổi. Tất cả việc thi công đầu nổi cần phối hợp với Công ty Yên Bình để kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và phải tuân thủ theo các quy định của Pháp luật có liên quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của Công ty TNHH SAMSUNG VIỆT NAM SEMICONDUCTOR .

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vp.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Kiên

793 - C.T.C.P
TY
N
TRIỂN
NH
GUYỄN

MEMORANDUM OF UNDERSTANDING
BIÊN BẢN GHI NHỚ

This Memorandum and Understanding (“MOU”) is entered into on 4 March 2026, by and among the following parties:

Biên bản ghi nhớ này (“BBGN”) được lập ngày 4/3/2026, bởi và giữa các bên sau đây:

1. **SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM THAI NGUYEN CO., LTD**
CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN
Enterprise code: 4601124536
Mã số doanh nghiệp: 4601124536
Head office address: Yen Binh Industrial Zone, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam
Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên
 (“SEVT”)
 (“SEVT”)

2. **SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.**
Business registration certificate No. 202551085K issued by Accounting and Corporate Regulatory Authority (ACRA) on 17 November 2025
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 202551085K cấp bởi Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp và Kế toán (ACRA) ngày 17/11/2025
Head office address: 3 Church Street, #26-01, Samsung Hub, Singapore 049483
Địa chỉ trụ sở chính: 3 Church Street, #26-01, Samsung Hub, Singapore 049483
 (“New Investor”)
 (“Nhà Đầu Tư Mới”)

3. **YEN BINH INVESTMENT & DEVELOPMENT CORPORATION**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN YÊN BÌNH
Enterprise code: 4600456793
Mã số doanh nghiệp: 4600456793
Head office address: Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam
Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Yên Bình, Phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
 (“Lessor”)
 (“Bên Cho Thuê”)

(SEVT, the New Investor and the Lessor hereinafter referred collectively as the “Parties” and individually as the “Party”)

(SEVT, Nhà Đầu Tư Mới và Bên Cho Thuê sau đây được gọi chung là “Các Bên” và gọi riêng là “Bên”)

WHEREAS:

XÉT RẰNG:

- A. SEVT has subleased the land plot with the area of 884,221.77 m² located at Yen Binh Industrial Zone, Van Xuan and Pho Yen Ward, Thai Nguyen Province (previously, Yen Binh 1 Industrial Zone, Pho Yen District, Thai Nguyen Province) (“**SEVT’s Land Lot**”), from the Lessor, under the land sublease agreement No. N008/2014/YBI-SEVT signed by SEVT and the Lessor on October 03, 2014 and the appendices attached to the Contract (“**SEVT’s Land Sublease Contract**”);
SEVT đã thuê lại Khu Đất Thuê với diện tích 884,221.77 m² tại Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân và phường Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là Khu công nghiệp Yên Bình 1, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên) (“Lô Đất Của SEVT”), từ Bên Cho Thuê, theo hợp đồng thuê lại đất số N008/2014/YBI-SEVT ký giữa SEVT và Bên Cho Thuê vào ngày 03 tháng 10 năm 2014, và các phụ lục đính kèm Hợp đồng (“Hợp Đồng Thuê Lại Đất Của SEVT”);
- B. The New Investor – an investor of Samsung group desires to have a land lot for implementation of a semiconductor investment project (“**Project**”);
Nhà Đầu Tư Mới – một nhà đầu tư thuộc tập đoàn Samsung mong muốn thuê lại một lô đất để thực hiện đầu tư một dự án đầu tư sản xuất lĩnh vực bán dẫn (“Dự Án”);
- C. SEVT can arrange a portion of the SEVT’s Land Lot to meet the New Investor’s need and has the right to assign the leasehold rights over that portion of the SEVT’s Land Lot to the New Investor (the “**Target Land Lot**”);
SEVT có thể thu xếp một phần Lô Đất Của SEVT để đáp ứng nhu cầu của Nhà Đầu Tư Mới và có quyền chuyển giao quyền thuê lại đất đối với một phần đó của Lô Đất Của SEVT cho Nhà Đầu Tư Mới (“Lô Đất Mục Tiêu”);

NOW, THEREFORE, the Parties entered this MOU with the following terms and conditions:
NAY, DO ĐÓ, Các Bên ký kết BBTN này với các điều khoản và điều kiện như sau:

1. Target Land Lot information:
Thông tin của Lô Đất Mục Tiêu:
 - a) Land area: 265,892.86 m²
Diện tích: 265.892,86 m²
 - b) Land usage status: Under management of SEVT and is ready to be transferred
Tình trạng sử dụng đất: Đang được SEVT quản lý và sẵn sàng có thể chuyển giao
 - c) Land use term: Up to May 25, 2062
Thời hạn sử dụng đất: Đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2062
 - d) Infrastructure status: Equipped with certain infrastructure
Tình trạng hạ tầng: Đã có một số hạ tầng trên đất
 - e) Location: Yen Binh Industrial Zone, Pho Yen Ward, Thai Nguyen Province. The specific location is temporarily defined on the location map/site layout attached

to this MOU. The official landmark and land area shall be handed over under a handover minute among the Parties, at site.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Yên Bình, phường Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí chính thức được tạm xác định trên bản đồ vị trí/sơ đồ mặt bằng đính kèm BBGN này. Diện tích và mốc giới chính thức sẽ được xác định theo biên bản bàn giao trên thực địa ký giữa Các Bên.

- f) Land rental fee payment form: lumpsum
Hình thức thanh toán tiền thuê đất: trả một lần
- g) Land rental fee payment status by SEVT to the Lessor: SEVT is exempted from land rental fee in accordance with official letter issued by Government Office
Tình trạng thanh toán tiền thuê đất bởi SEVT cho Bên Cho Thuê: SEVT được miễn tiền thuê đất theo văn bản của Văn phòng Chính phủ.
- h) Infrastructure rental fee payment status: SEVT had made full payment of infrastructure rental fee for the above-mentioned land use term to the Lessor
Tình trạng thanh toán tiền thuê hạ tầng: SEVT đã thanh toán đầy đủ tiền sử dụng cơ sở hạ tầng cho Bên Cho Thuê cho thời hạn sử dụng đất nêu trên
- i) Other fees payment status (if any): To perform in accordance with contract No. N008/2014/YBI-SEVT and the appendices attached to the Contract
Tình trạng thanh toán các loại phí khác (nếu có): Thực hiện theo hợp đồng số N008/2014/YBI-SEVT và các phụ lục Hợp đồng kèm theo.

2. Change of Target Land Lot's sublessee

Thay đổi Bên Thuê Lại của Lô Đất Mục Tiêu

- a) SEVT shall (i) reduce the area of SEVT's Land Lot currently using and return the Target Land Lot to the Lessor, (ii) carry out the procedures to revise its investment registration certificate ("IRC") and the land use right certificate ("LURC") to exclude the Target Land Lot from the SEVT's Land Lot, and (iii) transfer the right to receive the refund of the infrastructure rental fee (which is as equivalent to the 50% of the infrastructure rental fee regarding the Target Land Lot paid by SEVT to the Lessor) from the Lessor to the New Investor or the Project Company). This provision shall immediately cease its effectiveness if Thai Nguyen People's Committees issues the document rejecting this transaction;

SEVT sẽ (i) điều chỉnh giảm diện tích Lô Đất Của SEVT và trả lại Lô Đất Mục Tiêu cho Bên Cho Thuê, (ii) thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ("GCNĐKĐT") và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") để loại trừ Lô Đất Mục Tiêu khỏi Lô Đất Của SEVT và (iii) chuyển nhượng quyền nhận hoàn trả tiền thuê cơ sở hạ tầng (bằng 50% số tiền thuê cơ sở hạ tầng đối với Lô Đất Mục Tiêu đã được SEVT trả cho Bên Cho Thuê) từ Bên Cho Thuê, cho Nhà Đầu Tư Mới hoặc Công Ty Dự Án. Điều khoản này sẽ tự động chấm dứt hiệu lực nếu Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thái Nguyên ban hành công văn không cho phép giao dịch này;

- b) The Lessor shall (i) sub-lease the Target Land Lot to the New Investor, with the same terms and conditions as under the SEVT's Land Sublease Contract and (ii) refund SEVT any payment regarding the Target Land Lot that SEVT made to the Lessor for the remaining term according to the payment method, time and currency as agreed by parties (except for the refund of infrastructure rental fee). This provision shall immediately cease its effectiveness if Thai Nguyen People's Committees issues the document rejecting this transaction;

Bên Cho Thuê sẽ (i) cho Nhà Đầu Tư Mới thuê lại Lô Đất Mục Tiêu, với điều kiện và điều khoản giống với quy định tại Hợp Đồng Thuê Lại Đất Của SEVT và (ii) hoàn trả lại cho SEVT bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến Lô Đất Mục Tiêu mà SEVT đã thanh toán cho thời gian còn lại, theo phương thức, thời gian và đồng tiền thanh toán theo thỏa thuận của các bên (ngoại trừ quyền nhận hoàn trả tiền thuê cơ sở hạ tầng). Điều khoản này sẽ tự động chấm dứt hiệu lực nếu Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thái Nguyên ban hành công văn không cho phép giao dịch này;

- c) Under the draft Memorandum of Understanding to be signed between the New Investor and the Ministry of Finance (on behalf of Vietnamese Government), the Target Land Lot is exempt from land rental fee during the sublease term. The New Investor is carrying out the procedures with the Prime Minister and Thai Nguyen People's Committee to have the confirmation on the exemption. The New Investor is responsible for all taxes, fees and expenses (if any) incurred regarding the change of the sublessee of the Target Land Lot, as stipulated by laws.

Theo dự thảo Biên Bản Ghi Nhớ sẽ được ký giữa Nhà Đầu Tư Mới và Bộ Tài Chính (đại diện cho Chính phủ Việt Nam), Lô Đất Mục Tiêu được miễn tiền thuê đất trong thời gian thuê lại. Nhà Đầu Tư Mới đang thực hiện thủ tục xin xác nhận chính thức về việc miễn tiền thuê đất này từ Thủ Tướng Chính Phủ và Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên. Nhà Đầu Tư Mới chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thuế, phí và chi phí (nếu có) phát sinh từ việc thay đổi Bên Thuê lại đối với Lô Đất Mục Tiêu, theo quy định của pháp luật.

3. Execution of the official Target Land Lot sublease agreement ("**Official Sublease Agreement**") and handover of Target Land Lot

*Ký kết hợp đồng thuê lại Lô Đất Mục Tiêu chính thức ("**Hợp Đồng Thuê Lại Chính Thức**") và bàn giao Lô Đất Mục Tiêu*

- a) The New Investor shall obtain for the IRC to implement the Project on the Target Land Lot and shall establish a project company ("**Project Company**") to implement the Project. The Project Company shall be an export-processing enterprise (EPE) under Vietnamese laws;

*Nhà Đầu Tư Mới sẽ xin cấp GCNĐKĐT để thực hiện Dự Án trên Lô Đất Mục Tiêu và thành lập công ty dự án ("**Công Ty Dự Án**") để vận hành Dự Án. Công Ty Dự Án sẽ là công ty chế xuất theo quy định pháp luật Việt Nam;*

- b) Within 05 working days from the establishment date of the Project Company, the Project Company and the Lessor shall execute the Official Sublease Agreement;
Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Công Ty Dự Án, Công Ty Dự Án và Bên Cho Thuê sẽ ký kết Hợp Đồng Thuê Lại Chính Thức;
- c) The Project Company shall inherit all rights and obligations of the New Investor under this MOU.
Công Ty Dự Án sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư Mới theo BBTN này.
- d) At the time that the Project Company and the Lessor sign the Official Sublease Agreement, SEVT and the Lessor shall sign the appendix to the SEVT's Land Sublease Contract No. N008/2014/YBI-SEVT dated 03/10/2014 . In which, the Target Land Lot shall be excluded from the SEVT's Land Lot.
Vào thời điểm Công Ty Dự Án và Bên Cho Thuê ký Hợp Đồng Thuê Lại Chính Thức, SEVT và Bên Cho Thuê cũng sẽ ký phụ lục của Hợp Đồng Thuê Lại Đất số N008/2014/YBI-SEVT ngày 03/10/2014. Theo đó, Lô Đất Mục Tiêu sẽ được loại khỏi Lô Đất Của SEVT.
- e) On the same date as mentioned in paragraph (d) above, SEVT shall return the Target Land Lot to the Lessor, and the Lessor shall handover the Target Land Lot to the Project Company, according to the description stipulated in Article 1 above.
Vào cùng ngày ghi tại đoạn (d) trên, SEVT sẽ trả lại Lô Đất Mục Tiêu cho Bên Cho Thuê, và Bên Cho Thuê sẽ bàn giao Lô Đất Mục Tiêu cho Công Ty Dự Án, theo đúng mô tả quy định tại Điều 1.

4. SEVT's commitments:

Cam kết của SEVT:

- a) The description on the Target Land Lot status stipulated in Article 1 above is accurate;
Thông tin mô tả của Lô Đất Mục Tiêu tại Điều 1 nêu trên là chính xác;
- b) The execution of this MOU does not violate any agreements, contracts in which SEVT is a party, or any internal regulations of SEVT;
Việc ký kết BBTN này không vi phạm bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng nào mà SEVT là một bên, hoặc bất kỳ quy định nội bộ nào của SEVT;
- c) SEVT shall support the New Investor and the Project Company in working with the government authority in obtaining the IRC for the Project and the LURC recording the Project Company as the land user of the Target Land Lot.
SEVT sẽ hỗ trợ Nhà Đầu Tư Mới và Công Ty Dự Án trong quá trình là việc với cơ quan nhà nước để xin cấp GCNĐKĐT cho Dự Án và GCNQSDĐ ghi nhận Công Ty Dự Án là người sử dụng đất của Lô Đất Mục Tiêu.

5. The Lessor's commitments:

Cam kết của Bên Cho Thuê:

- a) The Lessor shall not sublease the Target Land Lot to any third party except the New Investor after SEVT returns such land lot including but not limited by actions such as providing information and providing necessary documents;
Bên Cho Thuê sẽ không cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ Nhà Đầu Tư Mới, thuê lại Lô Đất Mục Tiêu, sau khi SEVT trả lại lô đất này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành động như cung cấp thông tin hoặc cung cấp tài liệu cần thiết;
- b) The Lessor shall support the New Investor and the Project Company in working with the government authority in obtaining the IRC for the Project and the LURC recording the Project Company as the land user of the Target Land Lot.
Bên Cho Thuê sẽ hỗ trợ Nhà Đầu Tư Mới và Công Ty Dự Án trong quá trình làm việc với cơ quan nhà nước để xin cấp GCNĐKĐT cho Dự Án và GCNQSDĐ ghi nhận Công Ty Dự Án là người sử dụng đất của Lô Đất Mục Tiêu.
- c) The Lessor ensures that, as soon as SEVT returns the Target Land Lot and signs the Appendix to adjust the SEVT's Land Lot area reduction, the Lessor will carry out legal procedures upon required so that the New Investor and the Project Company will be granted an Investment Registration Certificate for the Project and a LURC to record the Project Company within a maximum of 90 days or a longer period as agreed between the New Investor and the Project Company with the Lessor.
Bên Cho Thuê đảm bảo rằng, ngay khi SEVT trả lại Lô Đất Mục Tiêu và ký Phụ lục điều chỉnh giảm diện tích đất của Lô Đất Của SEVT, Bên Cho Thuê sẽ thực hiện các thủ tục pháp lý theo yêu cầu để Nhà Đầu tư Mới và Công ty Dự án được cấp GCNĐKĐT cho Dự Án và GCNQSDĐ ghi nhận Công Ty Dự Án trong vòng tối đa 90 ngày hoặc một thời hạn dài hơn theo sự thỏa thuận của Nhà Đầu Tư Mới và Công ty Dự Án với Bên Cho Thuê.

6. The New Investor's commitments:

Cam kết của Nhà Đầu Tư Mới:

- a) The New Investor shall lease the Target Land Lot from the Lessor upon SEVT returns such land to the Lessor;
Nhà Đầu Tư Mới sẽ thuê lại Lô Đất Mục Tiêu từ Bên Cho Thuê sau khi SEVT trả lại lô đất đó cho Bên Cho Thuê;
- b) The New Investor shall use the Target Land Lot for implementation of the Project. The New Investor commits to comply with legal regulations related to land use and project implementation on the Target Land Lot.
Nhà Đầu Tư Mới sẽ dùng Lô Đất Mục Tiêu để thực hiện Dự Án. Nhà Đầu tư Mới cam kết tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng đất và thực hiện Dự án trên Lô Đất Mục Tiêu.

7. Cases where the MOU shall be terminated:

BBGN sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) The Parties agree to terminate the MOU; or
Các Bên đồng ý chấm dứt BBN; hoặc

- b) It is determined that the IRC for the Project will not be issued, or the Project Company will not be established.

Khi xác định được rằng GCNĐKĐT cho Dự Án sẽ không được cấp, hoặc Công Ty Dự Án sẽ không được thành lập.

8. Effect of termination

Ảnh hưởng của việc chấm dứt

In the event of termination of the MOU, except as specified otherwise in the MOU:

Trong trường hợp chấm dứt BBTN, trừ khi được quy định khác đi trong BBTN này:

- a) each provision of the MOU shall terminate immediately; and
mọi điều khoản của Biên Bản đều bị chấm dứt ngay lập tức; và
- b) no Party shall be liable to the other Party for any claims, actions, proceedings, damages, losses, liabilities, costs, charges, expenses, or outgoings of any nature whatsoever or have any obligations in respect of the other Party in connection with the MOU, except in respect of any antecedent breaches, rights, or obligations having accrued on or before the date of termination.
không Bên nào chịu trách nhiệm về Bên kia về bất kỳ khiếu nại, hành động, tố tụng, thiệt hại, tổn thất, trách nhiệm, chi phí, phí tổn, hoặc các khoản tiền dưới bất kỳ hình thức nào hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên kia liên quan đến Biên Bản này, ngoại trừ đối với các vi phạm, quyền hoặc nghĩa vụ phát sinh trước ngày chấm dứt.
- c) Financial obligations and assets related to the Target Land Lot will be handled according to the agreement between the Parties
Các nghĩa vụ tài chính và tài sản liên quan đến Lô Đất Mục Tiêu sẽ được xử lý theo thỏa thuận giữa Các Bên.

9. This MOU shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

BBTN này được lập và điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

All disputes arising out of or in relation to this MOU shall be firstly resolved through amicable settlement. If the dispute is not resolved within 30 days after the commencement of negotiations by one party sending notices to the other party or a longer period as mutually agreed upon in writing by the parties at that time, the dispute will be resolved by the Vietnam International Arbitration Centre(VIAC) in accordance with its Rules of Arbitration. The number of arbitrators shall be one (01), appointed by the Parties or by the Chairman of VIAC in case the Parties fail to appoint within 05 working days from the date the dispute is accepted to handle by VIAC. The place of arbitration shall be Hanoi city, Vietnam. The language to be used in the arbitral proceedings shall be Vietnamese. The arbitral award shall be final and binding on the Parties. The losing Party has responsibility for payment of arbitration fee.

Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện BBGN này trước hết được Các Bên giải quyết thông qua đàm phán và hòa giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng 30 ngày sau khi bắt đầu các cuộc thương lượng bằng cách một Bên gửi thông báo cho Bên kia hoặc thời hạn dài hơn do Các Bên thỏa thuận với nhau bằng văn bản tại thời điểm đó, thì tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là một (01) do các bên cùng lựa chọn hoặc do Chủ tịch VIAC lựa chọn nếu các bên không thể thống nhất lựa chọn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày vụ việc được VIAC thụ lý. Địa điểm trọng tài là thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt. Quyết định trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các Bên. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền phí trọng tài.

10. All information contained in this Memorandum of Understanding is to be kept confidential and shall not be disclosed to third parties. Furthermore, any information, whether technical or commercial, disclosed by the other Party shall not be used without the other Party's written consent, and such information shall be used solely for the purposes of this MOU.

Mọi thông tin của Biên Bản Ghi Nhớ này được coi là bảo mật và không được tiết lộ cho bên thứ ba cũng như sử dụng bất kỳ thông tin nào cho dù mang tính kỹ thuật hay thương mại được tiết lộ bởi Bên còn lại khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại đó, và chỉ sử dụng những thông tin đó cho mục đích của Biên Bản Ghi Nhớ này.

11. Neither Party may assign or transfer any of its rights and obligations under this MOU without the written consent of the other Party. Any assignment or transfer of rights and obligations by a Party without the prior written consent of the other Party shall be deemed invalid.

Không Bên nào được chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo MOU này khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại. Việc chuyển giao hay chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của một Bên khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại sẽ được coi là vô hiệu.

12. This MOU shall take effect from the signing date until the execution date of the Official Sublease Agreement, or termination date under Section 7, whichever is earlier. BBGN này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày Hợp Đồng Thuê Chính Thức được ký kết, hoặc ngày chấm dứt theo quy định tại Mục 7, tùy thời điểm nào đến trước.

13. This MOU is made in 06 original copies in bilingual English – Vietnamese. Each Party shall keep 02 copies of equal legal validity for execution and submission to the government authority (if necessary). In case of discrepancy, the Vietnamese version shall prevail.

BBGN này được lập thành 06 bản gốc song ngữ Anh – Việt. Mỗi Bên sẽ giữ 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện và nộp cho cơ quan nhà nước (nếu cần). Trong trường hợp có sự khác biệt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

(signature pages to follow)

(trang ký phía sau)

IN WITNESS WHEREOF, the Parties hereto have caused the MOU to be executed by their respective duly authorized signatories as of the day and year first written above.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Các Bên theo đây cử người có thẩm quyền ký kết BBN này vào ngày được nêu tại phần đầu BBN.

For and on behalf of

Thay mặt

SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM THAI NGUYEN CO., LTD

CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN



Name/ *Họ tên*:

Title/ *Chức vụ*:

KIM IEESOO
TỔNG GIÁM ĐỐC

For and on behalf of

Thay mặt

SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.



Name/Tên: NA KI HONG

Title/Chức vụ: *Authorized Legal Representative
under the Power of Attorney
dated 27 November 2025*

of SAMSUNG SEMICONDUCTOR ASIA HOLDINGS PTE. LTD.

For and on behalf of

Thay mặt

YEN BINH INVESTMENT & DEVELOPMENT CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN YÊN BÌNH



Name/Tên:

TỔNG GIÁM ĐỐC

Title/Chức vụ:

Nguyễn Trung Kiên



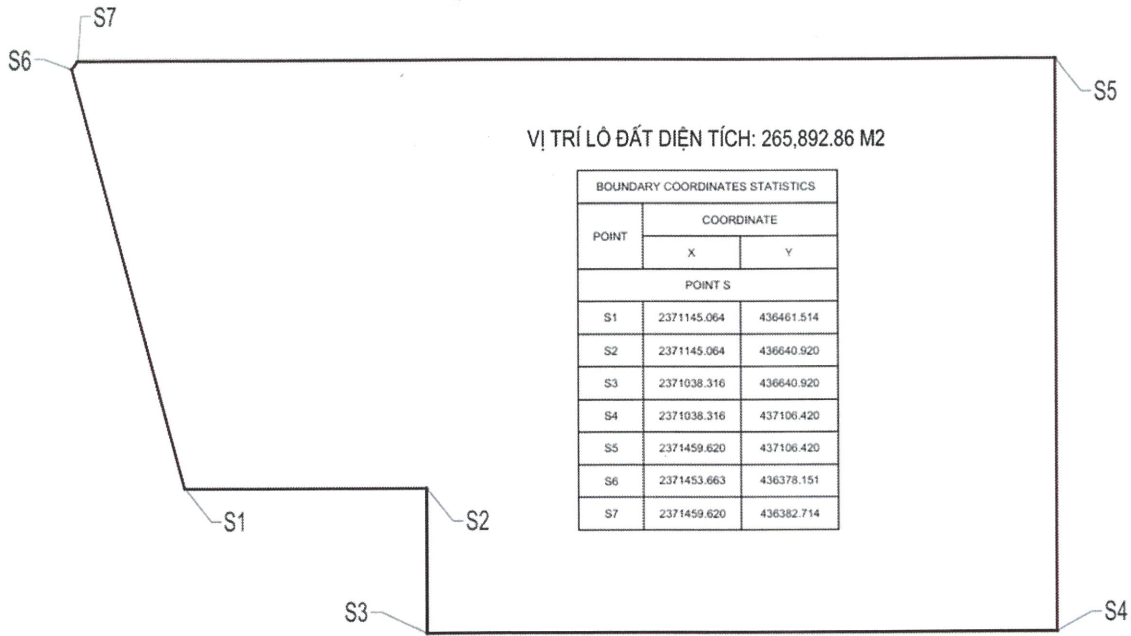
LOCATION MAP/SITE LAYOUT
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ/SƠ ĐỒ MẶT BẰNG

TRÍCH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500 KCN KHU CÔNG NGHIỆP YÊN BÌNH



VỊ TRÍ LỘ ĐẤT





BOUNDARY COORDINATES STATISTICS		
POINT	COORDINATE	
	X	Y
POINT S		
S1	2371145.064	436461.514
S2	2371145.064	436640.920
S3	2371038.316	436640.920
S4	2371038.316	437106.420
S5	2371459.620	437106.420
S6	2371453.663	436378.151
S7	2371459.620	436382.714



Số: 865 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Khu công nghiệp
Yên Bình, diện tích 400ha” thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Khu công nghiệp Yên Bình, diện tích 400ha” họp ngày 27 tháng 01 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Khu công nghiệp Yên Bình, diện tích 400ha” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 50/CV-YBI ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Khu công nghiệp Yên Bình, diện tích 400ha” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, CN (08).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ HẠNG MỤC KHU CÔNG NGHIỆP YÊN BÌNH, DIỆN TÍCH 400HA” THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: “Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Khu công nghiệp Yên Bình, diện tích 400ha” thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Địa điểm thực hiện: phường Đồng Tiến, phường Bãi Bông, xã Hồng Tiến và xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình.
- Trụ sở: Lô 8, Khu đô thị Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- VPGD: Tầng 8, tòa nhà Veam Tây Hồ, lô D, khu D1 (ngõ 689 đường Lạc Long Quân), phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.

1.1 Phạm vi, quy mô của Dự án:

Phạm vi, quy mô diện tích của Dự án không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại các Quyết định số 2670/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2013, Quyết định số 975/QĐ-BTNMT ngày 23/4/2015 và Quyết định số 2130/QĐ-BTNMT ngày 01/9/2017 cụ thể:

- Quy mô diện tích KCN: 400ha.
- Các ngành nghề đăng ký thu hút đầu tư vào khu công nghiệp:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Sản xuất các loại khuôn nhựa và kim loại dùng cho điện thoại di động, xe ô tô và các thiết bị điện tử khác	259
2	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất linh kiện điện tử; gia công, lắp ráp các linh kiện điện tử và linh kiện điện thoại	26
3	Sản xuất thiết bị điện	27
4	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	331
5	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	28
7	Sản xuất xe ô tô và xe có động cơ khác	29
8	Sản xuất khí công nghiệp, hóa chất	2011
9	Sản xuất tế bào quang điện	2720
10	Sản xuất tấm pin mặt trời	279
11	Xây dựng kho bãi, nhà xưởng và văn phòng điều hành để cho thuê	4102
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

TT	Tên ngành	Mã ngành
13	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí	35301
14	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	36
15	Thoát nước và xử lý nước thải	37
16	Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu	38
17	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	39
18	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52
19	Vận tải hàng hóa hàng không	512
20	Sản xuất các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất từ các nguyên liệu gỗ đã chế biến hoặc nguyên liệu là các bán thành phẩm	31001-1629
21	Sản xuất mỹ phẩm	2023
22	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Sản xuất trang thiết bị bảo hộ an toàn	329
24	Lắp ráp tấm pin mặt trời	332
25	Sản xuất xe đạp điện	3091
26	Xây dựng nhà xưởng và văn phòng cho thuê	6810
27	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
28	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	25
29	Sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo khác	32

1.2. Các hạng mục công trình chính của Dự án

a. Các hạng mục, công trình đã được phê duyệt theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm:

- San nền: Chủ Dự án đã đền bù giải phóng mặt bằng là 348ha/400ha.

- Đã xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật cho khoảng 268ha (đường giao thông, cấp nước, cấp điện, cây xanh, thông tin liên lạc,...), phần diện tích đã san nền khoảng 50ha và đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp.

- Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, vận hành:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

Đã hoàn thiện và đi vào hoạt động hệ thống thu gom, thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép với tổng chiều dài 8.378,8m để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn bên ngoài các Nhà máy và các trục đường giao thông nội bộ KCN Yên Bình trong khu vực 336ha. Phần diện tích 64ha đang tiến hành xây dựng và hoàn thiện hệ thống công thoát nước mưa.

+ Hệ thống thu gom và thoát nước thải:

Đã hoàn thiện và đi vào hoạt động hệ thống thu gom, thoát nước thải bằng bê tông cốt thép với tổng chiều dài 3.935,75m để thu gom toàn bộ nước thải từ các cơ sở đang hoạt động về Trạm XLNT tập trung KCN Yên Bình trên diện tích 336ha. Đang tiến hành xây dựng hoàn thiện hạ tầng phần diện tích 64ha còn lại của KCN Yên Bình.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Bình:

Chủ dự án đã xây dựng 04 module của Trạm xử lý nước thải tập trung (XLNT) bằng công nghệ sinh học kết hợp hóa lý với công suất xử lý 60.000 m³/ngày-đêm. Cụ thể:

Module 1 có công suất 15.000 m³/ngày-đêm,

Module 2 có công suất 20.000 m³/ngày-đêm,

Module 3 có công suất 15.000 m³/ngày-đêm và

Module 4 có công suất 10.000 m³/ngày-đêm.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A với $K_q=0,9$; $K_f=0,9$ và QCVN 14:2008/BTNMT cột A với $K=1$.

+ 03 Hồ điều hòa thu gom nước thải đầu vào với tổng dung tích khoảng 28.000m³, các hồ có lót lớp vật liệu chống thấm HDPE.

+ 03 Hồ sự cố kết hợp hồ sinh học với tổng dung tích chứa khoảng 105.000 m³, gồm hệ thống đường ống dẫn và van phai điều tiết cho từng hồ riêng biệt. Hồ được thiết kế lót bạt HDPE chống thấm, có trạm bơm rút nước hồ để chứa khi có sự cố và rút nước sự cố từ hồ về để quay vòng xử lý lại đảm bảo không xả thải ra môi trường khi có sự cố.

+ Đã lắp đặt Trạm quan trắc tự động liên tục các thông số COD, TSS, pH, nhiệt độ, lưu lượng nước thải đầu vào - đầu ra, amoni tại điểm xả sau Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Bình và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Chủ dự án đã được Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 15/GXN-TCMT ngày 10/02/2015 cho phần diện tích 200ha và Giấy xác nhận số 92/GXN-TCMT ngày 31/08/2017 cho phần diện tích đã xây dựng và hoàn thiện của khu 336ha.

b. Các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung của Dự án gồm:

- Điều chỉnh công suất vận hành Module 4 từ 10.000 m³/ngày-đêm lên 15.000 m³/ngày-đêm.

- Đầu tư xây dựng Module 5 với công suất 15.000 m³/ngày-đêm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục còn lại của Dự án

a. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt:*

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động làm việc trên công trường. Thành phần của nước thải sinh hoạt bao gồm: TSS, BOD, COD, các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ và các loại vi khuẩn (Coliforms, Ecoli).

- *Nước thải xây dựng:*

Nước vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, từ quá trình trộn nguyên vật liệu, thành phần nước thải chứa nhiều cặn thô chủ yếu là đất cát xây dựng, ít độc hại, dễ lắng đọng, tích tụ.

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, ồn, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu;
- Bụi, khí thải từ quá trình thi công, khí thải từ công đoạn hàn;
- Các loại khí thải phát sinh như: SO_2 , NO_x , CO, VOC.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- *Chất thải rắn xây dựng:*

Chất thải rắn xây dựng bao gồm: gạch, đất, đá; xi măng, sắt phế liệu; bao bì đựng nguyên vật liệu, thiết bị thải.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trên công trường; có thành phần chủ yếu là túi nilong, thức ăn thừa.

- *Chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh có thành phần bao gồm giẻ lau dính dầu, keo, dầu, mỡ, bao bì dính chất thải nguy hại. Tuy nhiên, các loại chất thải này phần lớn thải bỏ tại các trạm sửa xe hoặc bảo dưỡng xe nên khối lượng phát sinh tại khu vực dự án không lớn.

2.2. Giai đoạn vận hành của Khu công nghiệp

a. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5), các chất dinh dưỡng (NO_3^-) và các vi sinh vật. Khi lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp (400ha) của KCN Yên Bình, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15.000 m³/ngày đêm.

- Nước thải công nghiệp: phát sinh từ các quá trình sản xuất khác nhau của các nhà máy trong Khu công nghiệp. Tùy theo từng loại công nghệ sản xuất mà nước thải có thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm khác nhau. Khi lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp (400ha) của Khu công nghiệp Yên Bình, lượng nước thải công nghiệp phát sinh khoảng 65.000 m³/ngày đêm.

Lượng nước thải của toàn bộ dự án ước tính khoảng 80.000m³/ngày đêm.

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển trong KCN, Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu phục vụ sản xuất, Các chất gây ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất của KCN, Khí thải từ các nguồn khác trong Khu công nghiệp. Các thông số ô nhiễm chính gồm: CO, SO_2 , NO_2 , Hydrocarbon, bụi, NH_3 , H_2S , CH_4 , Mercaptane,...; Bùn và mùi hôi phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải (TXLNT).

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chính như thức ăn thừa, túi nilong, hộp xốp, hộp giấy...

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: phát sinh từ các hoạt động sản xuất khác nhau của các nhà máy, xí nghiệp trên cơ sở sử dụng các nguồn nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất; thành phần chất thải rắn phụ thuộc vào từng loại công nghệ sản xuất. Một số chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: kim loại, bao bì các loại, sản phẩm hỏng, nhựa phế thải, giấy phế thải...

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Hoạt động sinh hoạt: bóng đèn huỳnh quang thải, bình đựng nước xịt phòng và thuốc diệt côn trùng, các chất tẩy rửa và thuốc diệt côn trùng quá hạn sử dụng, mực in, pin, ắc quy thải, CTNH phát sinh từ nguồn này có thành phần giống nhau ở hầu hết các nhà máy.

- Hoạt động sản xuất: có thành phần đa dạng hơn, khối lượng phát sinh tùy thuộc vào công suất hoạt động của nhà máy, chủng loại CTNH phát sinh tùy thuộc vào ngành sản xuất. Một số CTNH bao gồm dầu bôi trơn, giẻ lau, găng tay dính dầu; bao bì, thùng dính hóa chất, dầu; dung dịch thải từ quá trình tẩy rửa; hóa chất làm sạch bề mặt; sơn thải; vụn kim loại dính dầu; chất thải rắn nhiễm hóa chất; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; vật liệu hấp phụ khí thải; vật liệu xử lý nước thải nhiễm dầu; bùn thải chứa dầu, kim loại...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn xây dựng

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường: Trong giai đoạn này các công nhân xây dựng Module 5 sử dụng chung nhà vệ sinh của Trung tâm điều hành KCN nằm trong khu đất của Trạm XLNT. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được đầu nối với Trạm XLNT để xử lý.

- Đối với nước thải xây dựng: Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị phối trộn hiện đại, làm tới đâu trộn xi măng tới đó. Mặt khác, trong khu vực Dự án cần đào rãnh thoát nước tạm ra bề lửng cát, đất trước khi chảy ra khu vực suối Giao chảy qua dự án. Nước từ khu trộn vật liệu hay nước vệ sinh phương tiện được dẫn và thu gom về một hố lắng trước khi chảy ra suối Giao chảy qua dự án. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

b. Giảm thiểu bụi và khí thải

- Áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu;
- Thường xuyên tưới, phun nước tại các khu vực thi công xây dựng;
- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu yêu cầu thùng xe phải có nắp đậy hoặc phải được phủ bạt kín.

c. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 200 lít đặt tại khu vực đất trống để thu gom rác sinh hoạt. Lượng rác trên sẽ được tập kết tại khu tập kết chất thải rắn của Khu công nghiệp và được thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Tận dụng tối đa nguyên vật liệu sử dụng, hạn chế phát sinh chất thải rắn.

+ Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và xây dựng trong giai đoạn xây dựng.

+ Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư có thể tận dụng cho việc san lấp mặt bằng.

+ Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa được thu gom, phân loại, tập trung và bán cho các đơn vị mua phế liệu.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại CTNH

- Bố trí các thùng chứa CTNH tại các khu vực thi công, hàng ngày được thu gom về khu vực lưu chứa CTNH của Chủ dự án tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

e. Nước mưa chảy tràn

- Thường xuyên khơi thông cống thoát;

- Thu dọn, vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ;

- Các bãi nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được tập kết đúng nơi quy định, chống rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước.

f. Giảm thiểu tiếng ồn và rung

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, phương tiện cơ giới phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn, độ rung theo quy định. Thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ, bôi trơn các thiết bị có khả năng gây ồn.

g. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông: tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân; lắp đặt hàng rào, biển báo tại khu vực nguy hiểm.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện: tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân; tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; trang bị đầy đủ bình chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy tại lán trại công nhân.

3.1. Về các biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn vận hành

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- Nước thải từ các Doanh nghiệp sản xuất trong KCN:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCN sẽ được thu gom và tiền xử lý bằng bể tách dầu mỡ, bể tự hoại.

+ Nước thải sản xuất sẽ được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn quy định của KCN trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung là cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, nước thải sau đó sẽ được xử lý tại Trạm XLNTTT.

+ Thiết kế hạ tầng đảm bảo nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCN đều phải thu gom, đầu nối về Trạm XLNTTT của KCN.

+ Chủ dự án và các doanh nghiệp sẽ ký Hợp đồng đầu nối nước thải phát sinh vào Trạm XLNTTT của KCN, trong đó nước thải phát sinh của các doanh nghiệp thứ cấp phải được xử lý sơ bộ nhằm đạt các chỉ tiêu theo Cột B (Riêng các chỉ tiêu kim loại nặng yêu cầu đạt cột A) QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đưa về Trạm XLNTTT của KCN để xử lý.

- Trạm xử lý nước thải tập trung (XLNTTT) của KCN:

Trạm XLNTTT được quy hoạch xây dựng ở phía Đông KCN tại khu vực có tổng diện tích 49.864 m².

Trạm XLNTTT được thiết kế với công suất $Q = 80.000$ (m³/ngày đêm) xử lý nước thải cho toàn KCN 400ha. Chi tiết công suất từng Module của Trạm XLNTTT như sau:

Module 1: Công suất 15.000 m³/ngày đêm.

Module 2: Công suất 20.000 m³/ngày đêm.

Module 3: Công suất 15.000 m³/ngày đêm.

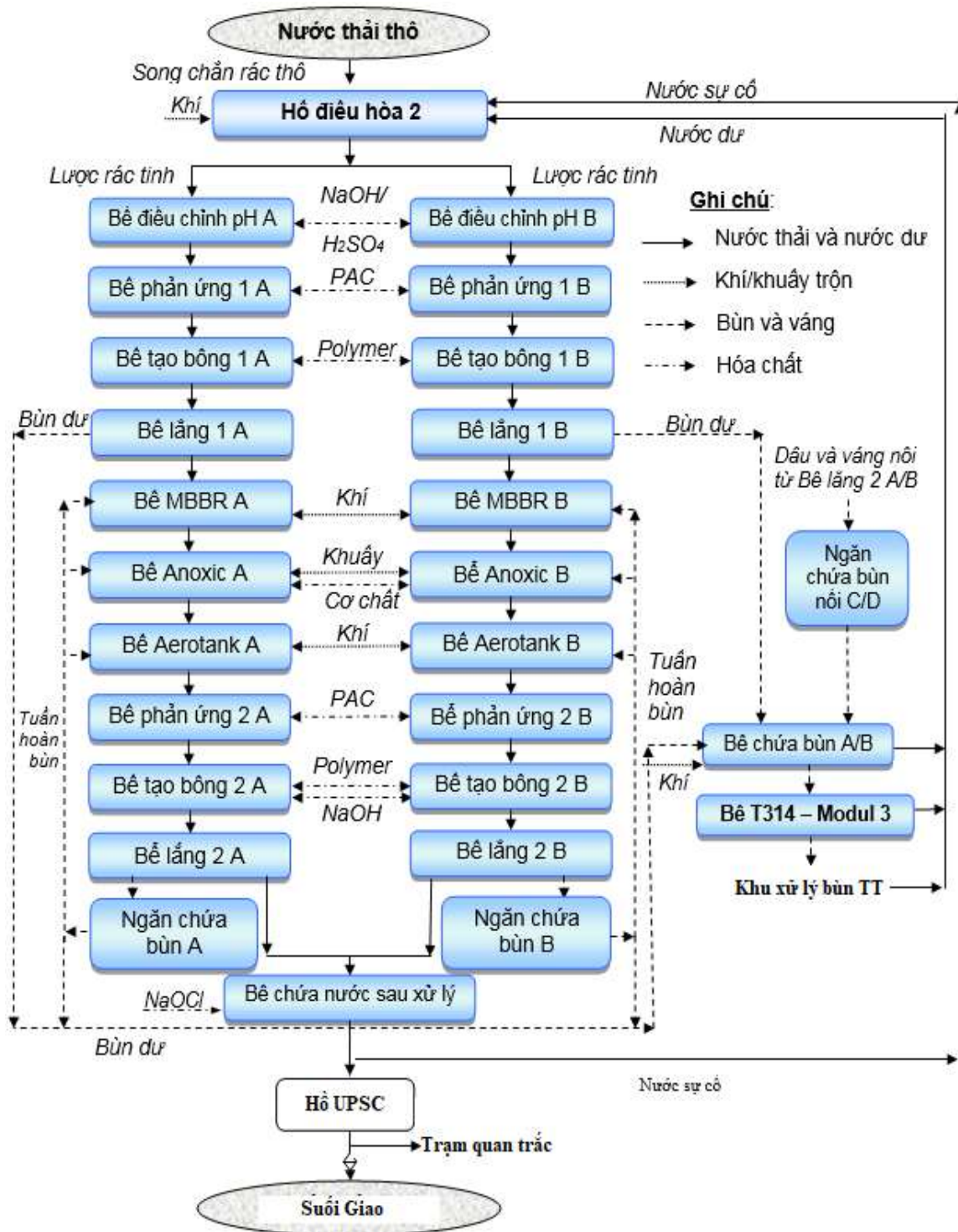
Module 4: Công suất 15.000 m³/ngày đêm.

Module 5: Công suất 15.000 m³/ngày đêm.

- Quy trình xử lý nước thải Module 4 công suất 15.000 m³/ngày đêm:

Nước thải từ các Nhà máy trong KCN sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT KCN Yên Bình.

Hệ thống xử lý nước thải của KCN áp dụng công nghệ sinh học kết hợp hóa lý. Sơ đồ công nghệ của Module 4 như sau:



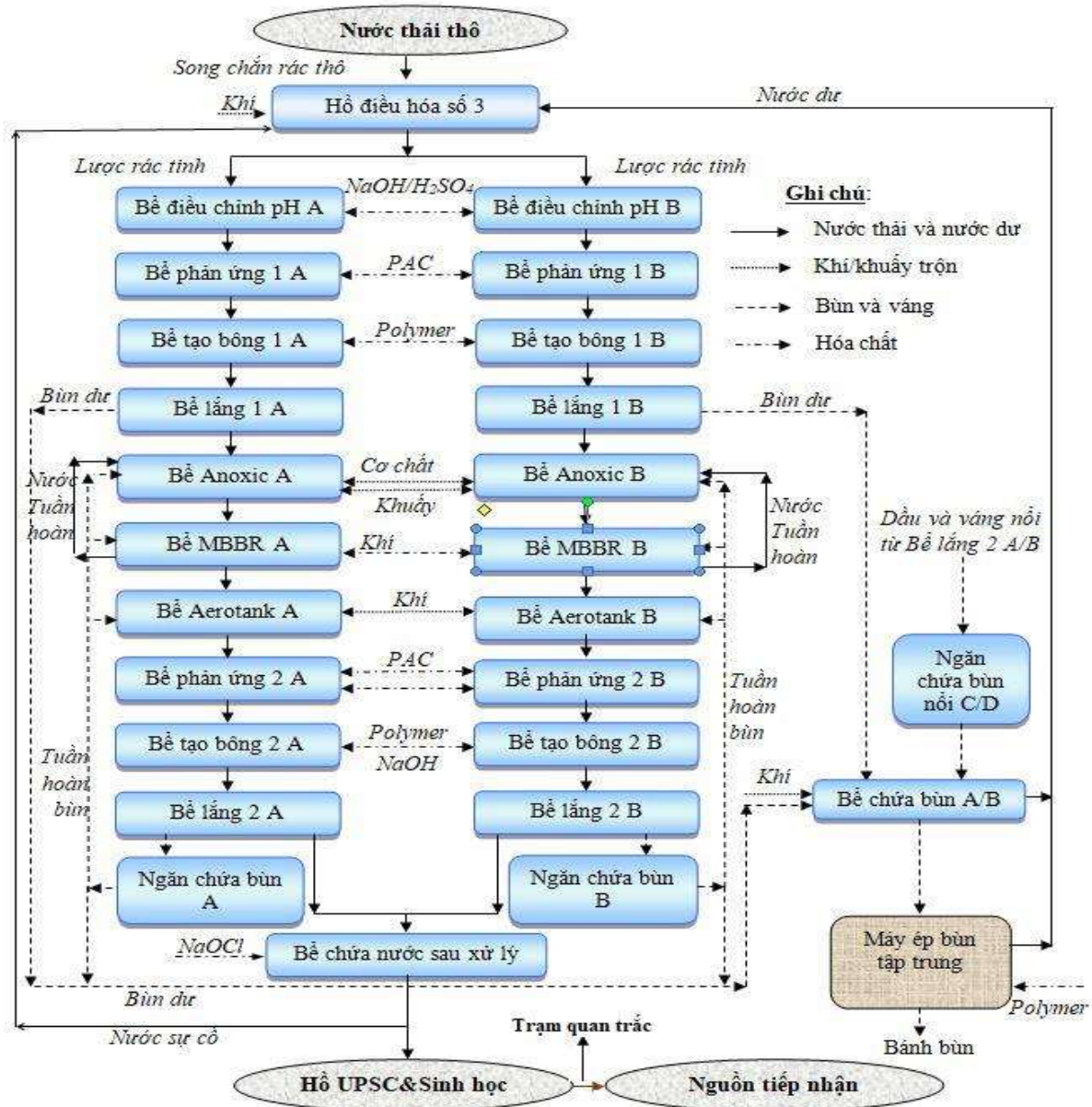
Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$ và chảy ra hệ thống thoát nước chung của các module xử lý, qua mương quan trắc nước thải tự động và xả ra nguồn tiếp nhận.

Bùn dư được bơm về khu xử lý bùn tập trung, máy ép bùn được sử dụng để tách nước trong bùn. Bùn sau ép tiếp tục được phơi khô để tách nước, sau đó được thu gom lại vào thùng chứa để nhà thầu vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Nước sau tách bùn từ bể chứa bùn và máy ép bùn được tuần hoàn trở lại bể điều hòa hiện hữu để tiếp tục quá trình xử lý.

- Quy trình xử lý nước thải tại Module 5 công suất 15.000 m³/ngày đêm

Nước thải từ các nhà máy sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Trạm XLNTTT của KCN Yên Bình sẽ được bơm vào hệ thống thu gom chung của KCN. Hệ thống xử lý nước thải của KCN áp dụng công nghệ sinh học kết hợp hóa lý. Sơ đồ công nghệ của Module 5 như sau:



Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$ và chảy ra hệ thống thoát nước chung của các module xử lý, qua mương quan trắc nước thải tự động và xả ra nguồn tiếp nhận.

Bùn dư được bơm về khu xử lý bùn tập trung. Bùn sau ép tiếp tục được phơi khô để tách nước, sau đó được thu gom lại vào thùng chứa để nhà thầu vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Nước sau tách bùn từ bể chứa bùn và máy ép bùn được tuần hoàn trở lại bể điều hòa hiện hữu để tiếp tục quá trình xử lý.

- Khu xử lý bùn tập trung Trạm XLNTTT của KCN: Bao gồm nhà ép bùn, khu phơi bùn và thùng lưu trữ bùn tạm thời. Khu phơi bùn được thiết kế là nhà phơi kín có hệ thống quạt thông gió, mặt sân bê tông trên nền móng bê tông cốt thép, phần tường xung quanh và mái lợp nhựa lầy sáng giúp tăng hấp thụ nhiệt, tránh mưa và không để phát tán mùi ra môi trường. Bùn sau khi ép được phơi trên xe khay bằng Inox 304 có bánh xe di chuyển. Thùng lưu giữ bùn là thùng hooklift chuyên dụng để trung chuyển chở chất thải. Thùng được đặt tại nhà ép bùn, bùn khô sau khi đầy thùng sẽ được vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật về quản lý CTNH.

❖ Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Nước thải sau xử lý tại Module 4 đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$ và chảy ra hệ thống thoát nước chung của các module xử lý, qua mương quan trắc nước thải tự động và xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý tại Module 5 đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_f = 0,9$, $K_q = 0,9$ và chảy ra hệ thống thoát nước chung của các module xử lý, qua mương quan trắc nước thải tự động và xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra các nắp cống, nắp hố ga, lưới chắn rác,... của hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải dọc các tuyến đường giao thông.

b. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Các hạng mục công trình xử lý nước thải có nắp che kín, tránh phát tán mùi hôi thối; nhà lưu chứa rác thải được thu gom, quét dọn, vệ sinh hàng ngày.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

c. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

- Đối với các doanh nghiệp trong KCN:

Các doanh nghiệp có trách nhiệm tự thu gom, phân loại và quản lý chất thải phát sinh đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Đối với Chủ dự án KCN Yên Bình:

Bố trí thùng chứa 250 lít, đặt cách nhau 200m trên các tuyến đường trong KCN. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt hàng ngày được nhân viên Đơn vị dịch vụ vệ sinh thu gom vận chuyển đi xử lý.

❖ Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý CTNH

- Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp có trách nhiệm tự thu gom, phân loại và quản lý chất thải phát sinh đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Đối với Chủ dự án KCN Yên Bình:

CTNH phát sinh tại khu điều hành KCN, Trạm XLNTTT sẽ được thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho CTNH tại Trạm XLNTTT. Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

e. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Trồng thêm cây xanh, thảm cỏ xung quanh Dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

f. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, CTNH: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều ô lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các ô lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa sự cố tại Trạm XLNTTT: Thực hiện nghiêm ngặt chế độ duy tu, bảo dưỡng; Đảm bảo an toàn hóa chất; Có các phương án phòng sự ô nhiễm nguồn tiếp nhận do nước thải của các nhà máy tại KCN Yên Bình xảy ra khi hệ thống bị hư hỏng thiết bị như sau:

+ Thiết bị dự phòng bơm chuyên khối nước thải, thiết bị thổi khí, khi 1 thiết bị hỏng sẽ vận hành thiết bị dự phòng.

+ Tại kênh thoát nước thải sau xử lý đều có các cửa phai chặn nước thải sau xử lý, khi có sự cố xử lý nước thải xảy ra, tín hiệu báo lỗi trên màn hình Scada và tủ điện trung tâm để người vận hành điều khiển bơm nước thải đầu vào ngừng bơm, đồng thời lúc đó người vận hành hệ thống sẽ đóng ngay cửa phai chặn nước thải sau xử lý của Module gặp sự cố, đảm bảo nước thải không chảy ra ngoài môi trường. Đồng thời, ngay sau đó người vận hành sẽ mở cửa phai chặn nước thải đường hồi về Hồ điều hòa và bể chứa nước thải sự cố để xử lý lại đạt QCVN cho phép xả ra ngoài môi trường.

+ Trạm XLNTTT mỗi module đều được thiết kế 2 line vận hành song song, độc lập. Trường hợp 1 line gặp sự cố cần dừng sửa chữa, line còn lại vẫn có thể hoạt động bình thường, nước thải tại bể chứa nước sau xử lý nếu không đạt sẽ không được xả ra ngoài môi trường mà được chảy lại bể điều hòa để thực hiện lại quy trình xử lý nước thải thông qua hệ thống van phai điều tiết nước sau xử lý của từng Module riêng biệt mà không ảnh hưởng đến các Module còn lại.

+ Mỗi Module nước thải được thiết kế đều có hệ số quá tải 1,2 cho phép vận hành tăng công suất quá tải lên 20%. Các module đều được thiết kế theo công nghệ đặc biệt với đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm của Nhật, Công nghệ sử dụng giá thể PVA Gel có diện tích tiếp xúc bề mặt lớn, với cấu trúc 3D hạt Gel có khe lỗ chỉ đủ để cho các vi khuẩn sinh trưởng ngay cả bên trong nhờ đó giúp tăng khả năng xử lý thêm 20% so với công suất thiết kế và vận hành ổn định. Khi một trong 05 module gặp sự cố cần giảm lưu lượng dừng sửa chữa khắc phục các module còn lại sẽ được vận hành tăng công suất để đảm bảo công suất xử lý chung của toàn Trạm XLNTTT.

+ 03 hồ điều hòa thu gom nước thải đầu vào với tổng dung tích khoảng 28.000m³. Hồ có lót lớp vật liệu chống thấm HDPE. Trường hợp có Module xử lý nào bị hỏng, các hồ điều hòa này có thể lưu giữ nước thải chưa xử lý trong thời gian là 8,4 giờ để sửa chữa thiết bị trong những trường hợp sự cố đặc biệt.

+ Hồ sinh học kết hợp ứng phó sự cố: Hồ được thiết kế gồm 03 Hồ với tổng dung tích chứa khoảng 105.000 m³, gồm hệ thống đường ống dẫn và van phai điều tiết cho từng hồ riêng biệt. Hồ được thiết kế lót bạt HPDE chống thấm, có trạm bơm rút nước hồ để chứa khi có sự cố và rút nước sự cố từ hồ về để quay vòng xử lý lại đảm bảo không xả thải ra môi trường khi có sự cố.

+ Trạm quan trắc tự động của hệ thống xử lý nước thải đo liên tục các thông số trong nước (COD, TSS, pH, nhiệt độ, lưu lượng (đầu vào và đầu ra), amoni), truyền dữ liệu liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

+ Chủ Dự án sẽ yêu cầu các nhà máy ngưng xả nước thải để tiến hành sửa chữa khắc phục nếu chất lượng nước đầu ra không đạt tiêu chuẩn xả thải của KCN.

+ Công ty Yên Bình cũng đã xây dựng quy trình ứng phó sự cố chất thải theo Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng công trình, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy. Bể chứa nước sử dụng cho công tác phòng cháy và chữa cháy được xây dựng tại từng công trình trong Dự án.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố do rò rỉ hóa chất. Khi xảy ra sự cố do hóa chất: tiến hành sơ tán, ngăn người, xe cộ, không liên quan ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân thích hợp như khẩu trang phòng độc, bao tay cao su, mắt kính trước khi xử lý sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

TT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Quy mô/ công suất
Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã hoàn thiện xây dựng, lắp đặt		
1	Công trình thu gom nước mưa chảy tràn.	Phần diện tích 336ha: Đã hoàn thiện và đi vào hoạt động hệ thống thu gom, thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép với tổng chiều dài 8378,8m để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn bên ngoài các Nhà máy và các trục đường giao thông nội bộ KCN Yên Bình trong khu vực 336ha. Phần diện tích 64ha: Đang tiến hành xây dựng: Đã xây dựng 400m cống thoát nước mưa D1500mm.
2	Công trình xử lý nước thải	Phần diện tích 336ha: Đã hoàn thiện và đi vào hoạt động hệ thống thu gom, thoát nước thải bằng bê tông cốt thép với tổng chiều dài 3935,75m để thu gom toàn bộ nước thải từ các cơ sở đang hoạt động về Trạm XLNTTT KCN Yên Bình. Phần diện tích 64ha: Đang tiến hành xây dựng. Đã xây dựng 40m cống thu gom nước thải D1250mm. Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 60.000 m ³ /ngày đêm với 04 module.
3	Công trình lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại	Đã xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m ² Đã xây dựng khu xử lý bùn tập trung bao gồm nhà ép bùn, nhà phơi bùn và khu vực lưu trữ tạm thời với tổng diện tích 265 m ²
4	Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải	Trồng cây xanh ven các tuyến đường nội bộ, khuôn viên trong KCN và xung quanh trạm XLNTTT
5	Công trình thu gom lưu giữ chất thải rắn	Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các khu vực công cộng thuộc trách nhiệm quản lý của KCN, phối hợp với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.
6	Xây dựng hồ sự cố Trạm xử lý nước thải	Đã xây dựng xong hồ sự cố 1 với dung tích 27.051 m ³
Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ đầu tư, xây dựng trong thời gian tới		
1	Công trình thu gom nước mưa chảy tràn	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn các khu vực còn lại trong KCN
2	Công trình thu gom nước thải	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải các khu vực còn lại trong KCN

TT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Quy mô/ công suất
3	Công trình xử lý nước thải	Xây dựng Module 5 và nâng công suất Module 4
4	Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải	Tiếp tục trồng cây xanh ven các tuyến đường nội bộ, khu vực theo quy hoạch được duyệt đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
5	Công trình lưu giữ tạm thời chất thải rắn	Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các khu vực thuộc trách nhiệm quản lý của KCN, phối hợp với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.
6	Xây dựng hồ sự cố Trạm xử lý nước thải	Tiếp tục xây dựng 02 hồ sự cố để đảm bảo dung tích tích tối thiểu 03 hồ là 105.000 m ³ theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giám sát môi trường giai đoạn triển thi công xây dựng

a. Quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

+ Trên suối Giao, trước khi chảy qua khu vực Dự án, ở phía Bắc Dự án

+ Trên suối Giao, đoạn trước khi tiếp nhận nước thải của Trạm XLNTTT

+ Trên suối Giao, điểm cuối sau khi chảy qua khu vực Dự án ở phía Nam

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, DO, TSS, Cl⁻, NH₄⁺, NO₃⁻, As, Pb, COD, BOD₅, Fe, Cr (VI), tổng Crom, NO₂⁻, Phenol, PO₄³⁻, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

b. Giám sát môi trường đất

- Vị trí giám sát: 04 vị trí tại phía Bắc dự án trong khu đất 64ha; phía Tây dự án gần khu vực 336ha; phía Đông dự án gần khu vực 64ha; phía Nam dự án gần khu vực 64ha.

- Thông số giám sát: As, Cd, Cu, Pb, Zn

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: 03-MT:2015/BTNMT

c. Giám sát quản lý chất thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu tập kết chất thải tạm thời

- Thông số giám sát: Đánh giá khối lượng chất thải rắn phát sinh

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Dự án sẽ phải tiến hành vận hành thử nghiệm cho các hạng mục Module 4 và Module 5 của trạm xử lý nước thải tập trung. Nội dung giám sát như sau:

- Vị trí và số lượng: Tính cho 1 hệ thống
- + Lấy mẫu tổ hợp lấy tại 3 thời điểm (sáng, trưa, chiều) tại 06 công đoạn.
- + 75 ngày đầu tiên với tần suất 15 ngày/lần. Tổng số mẫu 35 mẫu.
- + 07 ngày tiếp theo lấy mẫu đơn: 08 mẫu gồm 1 mẫu đầu vào và 7 mẫu đầu ra.
- Thông số giám sát đối với mẫu đầu ra sau xử lý: Nhiệt độ, pH, SS, COD, BOD₅, Cl⁻, NH₄⁺, Nito tổng, Phôt pho tổng, Fe, Pb, Cu, As, Cd, Zn, Ni, Hg, Cr(III), Cr(VI), tổng xianua, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Tiêu chuẩn áp dụng đối với mẫu đầu ra sau xử lý: 40:2011/BTNMT cột A với (Kq = 0,9; Kf = 0,9).
- Tần suất giám sát: 75 ngày đầu tiên với tần suất 15 ngày/lần, sau đó quan trắc 07 ngày liên tiếp.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a. Giám sát nước mặt

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: tại 04 vị trí sau.
- + Trên suối Giao, trước điểm tiếp nhận nước thải của Trạm XLNTTT 50m về phía thượng lưu;
- + Trên suối Giao, sau điểm tiếp nhận nước thải của Trạm XLNTTT 50m về phía hạ lưu;
- + Trên suối Dẽo trước điểm suối Giao chảy vào 50m về phía thượng lưu
- + Trên suối Dẽo sau điểm suối Giao chảy vào 50m về phía thượng lưu.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, DO, TSS, Cl⁻, NH₄⁺, NO₃⁻, As, Pb, COD, BOD₅, Fe, Cr (VI), tổng Crom, NO₂⁻, Phenol, PO₄³⁻, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

b. Giám sát tự động nước thải

Tiếp tục vận hành thiết bị quan trắc tự động truyền dữ liệu online về Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên theo quy định hiện hành.

Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, (Kq = 0,9; Kf = 0,9).

Tần suất giám sát: Truyền dữ liệu quan trắc online về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

c. Giám sát nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: tại 02 vị trí sau.
- Nước thải trước xử lý tại Trạm XLNTTT của KCN Yên Bình
- Nước thải sau xử lý tại Trạm XLNTTT của KCN Yên Bình.
- Thông số giám sát: BOD₅, Cl⁻, Nito tổng, Phôt pho tổng, Fe, Pb, Cu, As, Cd, Zn, Ni, Hg, Cr(III), Cr(VI), tổng xianua, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$).

d. Giám sát đối với chất thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: tại khu vực điều hành của KCN;

- Thông số giám sát: Đánh giá khối lượng chất thải rắn phát sinh.

Quy chuẩn so sánh: Tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện khác có liên quan đến bảo vệ môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Phòng cháy chữa cháy, Luật Tài nguyên nước, Luật Hóa chất.

- Thi công xây dựng tuân thủ đúng quy hoạch, thiết kế, phương án thi công đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các công trình Dự án và khu vực lân cận.

- Lập kế hoạch, phương án cần thiết và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống, ứng phó sự cố môi trường, đặc biệt là các sự cố trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động liên quan đến an toàn cháy nổ, sự cố Trạm XLNT, an toàn các hạng mục công trình Dự án trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, đồng thời thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục, bồi thường thiệt hại.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên trước khi thải ra ngoài môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; các quy định hiện hành về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến Dự án.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình với lưu lượng xả nước thải lớn nhất 80.000 m³/ngày đêm và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình (Lô 8, Khu đô thị Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được xả nước thải sau xử lý từ Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Yên Bình vào nguồn nước với các nội dung như sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Giao, sau đó chảy vào suối Dẽo (tại phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), cuối cùng chảy ra sông Cầu.

2. Vị trí xả nước thải: phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰), như sau:

- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021 được phép xả nước thải tại vị trí có tọa độ:

X: 2.370.777

Y: 437.801

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày hết hiệu lực của Giấy phép được phép xả nước thải tại vị trí có tọa độ:

X: 2.370.411 Y: 438.011

3. Phương thức xả nước thải:

- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021: nước thải sau xử lý được xả vào kênh dẫn nước thải sau xử lý, ra mương hở xả ra suối Giao, sau đó ra suối Dẽo theo phương thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày hết hiệu lực của Giấy phép: nước thải sau xử lý được dẫn xả vào hồ sự cố kết hợp hồ sinh học, qua bể khử trùng SC-04 chảy vào mương quan trắc nước thải, xả ra suối Giao, sau đó ra suối Dẽo theo phương thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 80.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A hệ số $K = 1,0$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn giá trị tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn giá trị tối đa
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,056
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	10
22	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
23	Sunfua	mg/l	0,162
24	Florua	mg/l	4,05
25	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
26	Tổng nitơ	mg/l	16,2
27	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	3,24
28	Clorua	mg/l	405
29	Clo dư	mg/l	0,81
30	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
31	Tổng PCB	mg/l	0,0024
32	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Trong quá trình hoạt động, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

3. Thực hiện quan trắc nước thải:

a) Quan trắc tự động, liên tục lưu lượng nước thải đầu vào tại vị trí các bể điều hòa trước khi vào các Module xử lý nước thải và nước thải sau xử lý với các thông số: lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni tại các vị trí, như sau:

- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2021: tại kênh dẫn nước thải sau xử lý, trước khi xả ra mương hở, sau đó chảy ra suối Giao.

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày hết hiệu lực của Giấy phép: tại mương quan trắc nước thải trước khi xả ra suối Giao.

b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất ba (03) tháng/lần tại vị trí quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý với các thông số như quy định tại Bảng 1 khoản 6 Điều 1 Giấy phép này, trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục quy định tại điểm a khoản này.

4. Có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải theo quy định, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 1 Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối camera và kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Yên Bình về Cục Quản lý tài nguyên nước theo hòm thư cqltnn@monre.gov.vn và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp, trong quá trình xả nước thải có thay đổi khác với các quy định tại Giấy phép này, Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1104/GP-BTNMT ngày 05 tháng 4 năm 2018 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT- 015.21) (02), TNN (02).

[Handwritten mark]

[Handwritten mark]



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân